

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TU QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17/4/2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hương Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Hữu Bình**

2. Ông **Trần Thế Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Diệu Thương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2023/HNGĐ-ST, ngày 20/02/2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20/3/2023, giữa các đương sự:

* *NgU đơn:* Chị Nguyễn N, sinh năm 1997;

Nơi ĐKKHKT: 27C Vân Hồ 3, phường L, quận H, thành phố Hà Nội;

Tạm trú: 215B4, ngách 23, ngõ 94 T, quận H, thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn:* Anh Trần Q, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Hiện đang chấp hành án tại Đội 35 Phân trại 2 Trại giam Thanh Cẩm - Cục C10 Bộ công an.

Chị Nguyễn N và anh Trần Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Chị Nguyễn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Q lấy nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại thành phố Hà Nội để làm ăn. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017 tình cảm vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và anh Q không hợp nhau về cách sống dẫn đến vợ chồng luôn bất đồng và không tìm được tiếng nói chung để hòa giải được. Hiện nay anh Q đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm, Cục C10, Bộ Công an. Chị

xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Q.

Về con chung: Chị và anh Trần Q có 01 con chung là cháu Trần U, sinh ngày 18/4/2016; hiện nay cháu U đang ở cùng chị N. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện nay anh Q đang phải chấp hành án phạt tù).

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị và anh Q không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Trần Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận H, thành phố Hà Nội vào ngày 12/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không chung sống cùng nhau nữa. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh nhất trí. Do anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và anh xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và phiên tòa.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn N có 01 con chung là cháu Trần U, sinh ngày 18/4/2016; hiện nay cháu U đang ở cùng chị N. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vay nợ chung: Anh và chị N không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn (anh Trần Q) đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm, Cục 10, Bộ Công an nên Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được; anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt và nhất trí với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N; chị N và anh Q đều nhất trí giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn và chị N không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và đều xác nhận vay nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn N và anh Trần Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N và anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, không ai bổ sung yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: NgU đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn N về việc xin ly hôn anh Trần Q.

Về con chung: Giao cháu Trần U, sinh ngày 18/4/2016 cho chị Nguyễn N trông nom, chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị N không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn N và anh Trần Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Nguyễn N và anh Trần Q đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn (anh Trần Q) cư trú tại thành phố Tuyên Quang, căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 20/02/2023, Tòa án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự; do bị đơn đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm, Cục C10, Bộ Công an nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn N và anh Trần Q lấy nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là hợp pháp. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện nay anh Q đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm, Cục C10, Bộ Công an. Chị N và anh Q đều xác định mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nên đều nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn N xin ly hôn anh Trần Q.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn N và anh Trần Q có 01 con chung là cháu Trần U, sinh ngày 18/4/2016. Hiện nay cháu U đang ở cùng chị N. HĐXX thấy: Hiện nay anh Q đang phải chấp hành án phạt tù nên không có đủ điều kiện nuôi con, vì vậy cần giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên cần chấp nhận. Chị N không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn N và anh Trần Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Chị Nguyễn N và anh Trần Q xác định vợ chồng không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trần Q không phải chịu án phí của vụ án. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28; 39; 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn N về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn N được ly hôn anh Trần Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần U, sinh ngày 18/4/2016 cho chị Nguyễn N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Q không phải dưỡng nuôi con chung (do chị N không yêu cầu); anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn N và anh Trần Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Chị Nguyễn N và anh Trần Q không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn N phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000684 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị N đã nộp đủ án phí. Anh Trần Q không phải chịu án phí của vụ án.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn N và Anh Trần Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQuang;
- VKSND TP. TQuang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. TQuang;
- UBND phường L, quận H, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang

